|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH BẮC KẠN**BAN CHỈ ĐẠO VỀ** **CHUYỂN ĐỔI SỐ** Số: 330 /KH-BCĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bắc Kạn, ngày 25 tháng 5 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH**

**Hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023**

Thực hiện Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số năm 2023, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2023 với những nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Phát huy vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh *(sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo)* trong công tác tham mưu cho UBND tỉnh Bắc Kạn chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các hoạt động, nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2023, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo đối với công tác chuyển đổi số.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch phải cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, theo hướng mang lại kết quả thực chất, bền vững, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của tỉnh; ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các chương trình, chiến lược quốc gia về phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; phấn đấu nâng chỉ số chuyển đổi số của tỉnh tăng từ 02 bậc trở lên trong xếp hạng chung của cả nước về chuyển đối số.

3. Tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm của năm dữ liệu số quốc gia 2023.

**II. MỤC TIÊU CỤ THỂ**

Đảm bảo phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số năm 2023 và các mục tiêu cụ thể sau:

- 70% TTHC được cung cấp thành DVCTT toàn trình và được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- 20% DVCTT được tái cấu trúc quy trình giải quyết để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- 60% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.

- 10% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC tại Hệ thống Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông đạt 100%*.*

- 10% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.

- 50% hộ gia đình có địa chỉ số.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước cấp tỉnh hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên 90%.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước cấp tỉnh đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn thông tin mạng theo cấp độ trên 50%.

- Hỗ trợ, phối hợp với các đơn vị chủ quản hệ thống thông tin cơ sở (*UBND các huyện, các sở ngành có đơn vị sự nghiệp cấp 2,3*) đôn đốc, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin của các đơn vị thuộc quyền quản lý của đơn vị, địa phương.

- 100% dịch vụ dùng chung của tỉnh được chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia/tỉnh (NDXP/LGSP).

## - 100% sở, ngành có cơ sở dữ liệu phải được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- 50% cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

## III. NHIỆM VỤ

## 1. Nhiệm vụ chung của Ban Chỉ đạo

- Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung quán triệt, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số với tinh thần quyết tâm cao thông qua việc chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng ngân sách; nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, từ đó góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh cũng như đối với từng ngành, lĩnh vực.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch/Chương trình hành độngvà có giải pháp cụ thể để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023, đồng thời chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức, viên chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc nêu gương tham gia ứng dụng, triển khai các hoạt động CNTT, chuyển đổi số để hình thành “Công dân số” và “Công dân điện tử” theo Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo UBND, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các huyện, thành phố tăng cường hoạt động, chủ động rà soát, củng cố hoạt động của Ban Chỉ đạo; tích cực chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số tại địa phương phù hợp với điều kiện thực tế, phát huy hiệu quả; tiếp tục quan tâm, chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng đi vào thực chất để phát huy vai trò nòng cốt trong việc hướng dẫn người dân tham gia vào các hoạt động chuyển đổi số, từ đó góp phần thúc đẩy trụ cột xã hội số của tỉnh phát triển.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ chủ đầu tư triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số năm 2023 *(chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo)* thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả kết luận của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ và nội dung Nghị quyết kỳ họp thứ 13 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X có liên quan đến việc triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số; xác định quy mô, nội dung cụ thể của nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số bảo đảm thiết thực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công việc, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí.

- Tham mưu xây dựng chiến lược dữ liệu, xác định dữ liệu gốc dùng chung, bảo đảm tính liên thông giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương và liên thông quốc gia.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch về dữ liệu mở của tỉnh; danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các dữ liệu trong danh mục.

- Đề xuất UBND tỉnh triển khai các giải pháp cụ thể để nâng cao tỷ lệ DVCTT và tỷ lệ hồ sơ DVCTT; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng cán bộ công nghệ thông tin thông qua các hình thức đặt hàng đào tạo, tổ chức đào tạo, thông tin rộng rãi về công tác tuyển dụng.

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông-Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo:

+ Tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo tính kế thừa, hiệu quả. Tham mưu trong công tác thẩm định, đánh giá, kiểm tra các nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh; kịp thời phát hiện và kiến nghị cấp có thẩm quyền dừng triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp.

+ Khẩn trương hoàn thành hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) cấp tỉnh trong năm 2023; tham mưu cho Ban Chỉ đạo tiến hành kiểm tra hoạt động chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023.

+ Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thí điểm triển khai thực hiện chuyển đổi số xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023; Bộ chỉ tiêu đánh giá công nhận xã chuyển đổi số/Chuyển đổi số nâng cao áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì nghiên cứu, triển khai các nền tảng số phục vụ du lịch, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (*được giao theo Quyết định số 17/QĐ-UBQGCĐS của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số về việc ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023).*

- Ban hành Kế hoạch kiểm tra hoạt động chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023 và Kế hoạch học tập kinh nghiệm trong công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại một số tỉnh.

- Tham dự các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số do Chính phủ, các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố tổ chức.

**2. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Ban Chỉ đạo**

*2.1. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông*

- Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Chỉ đạo; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện tốt các hoạt động về chuyển đổi số nhằm phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh đảm bảo phấn đấu đạt các mục tiêu đã đề ra tại kế hoạch.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch thí điểm triển khai thực hiện chuyển đổi số xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023; Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo.

- Tham mưu cho Ban Chỉ đạo ban hành Kế hoạch kiểm tra hoạt động chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023 và Kế hoạch học tập kinh nghiệm trong công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại một số tỉnh.

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các nhiệm vụ:

+ Hưởng ứng năm Dữ liệu số Quốc gia 2023 *(chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)*; xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh; phần mềm quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống mạng diện rộng (WAN); Hệ thống Wifi công cộng; Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh; triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho chuyển đổi số của tỉnh; kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Triển khai hệ thống thông tin đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; phổ cập điện thoại thông minh, cáp quang băng rộng toàn dân; nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán phí, lệ phí trực tuyến…

- Triển khai sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở về kỹ năng số (MOOCS) phù hợp với Khung kỹ năng số quốc gia, cho phép người dân tự học và tự kiểm tra, đánh giá kỹ năng số cơ bản miễn phí.

- Hướng dẫn, hỗ trợ việc thí điểm thực hiện chuyển đổi số xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023.

*2.2. Giám đốc Công an tỉnh*

- Chỉ đạo công tác quản lý, vận hành, cập nhật hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định; đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình kết nối các Hệ thống của tỉnh với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Chỉ đạo thực hiện cấp Căn cước công dân, hướng dẫn đăng ký, sử dụng ứng dụng định danh và xác thực điện tử và các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 của Chính phủ.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của an ninh mạng trong chuyển đổi số từ đó góp phần nâng cao ý thức các tổ chức, cá nhân về vai trò, trách nhiệm trong bảo vệ an ninh mạng và xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh.

*2.3. Giám đốc Sở Tài chính*

Chỉ đạo việc thúc đẩy phát triển dữ liệu về tài chính, sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, thuế điện tử…; triển khai hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn.

*2.4. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư*

Chỉ đạo việc hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp; hỗ trợ công nghệ số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số.

*2.5. Giám đốc Sở Y tế*

- Chỉ đạo, triển khai việc xây dựng và phát triển dữ liệu về sức khỏe toàn dân; xây dựng kho dữ liệu về ngành y tế; triển khai Bệnh án điện tử tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông.

- Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế.

*2.6. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo*

- Chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động chuyển đổi số trong ngành giáo dục, đào tạo; triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh; duy trì hệ thống quản lý chất lượng giáo dục của tỉnh.

- Chỉ đạo việc nghiên cứu lồng ghép các nội dung tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy và học của nhà trường.

- Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giáo dục.

*2.7. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường*

Chỉ đạo việc xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới; triển khai các nhiệm vụ, giải pháo nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

*2.8. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

Chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong ngành nông nghiệp; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số gắn với hoạt động xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

*2.9. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*

- Chủ trì tham mưu, triển khai các nền tảng số phục vụ du lịch, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; tổ chức sơ kết, đánh giá trước tháng 9/2023 theo yêu cầu của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số.

- Chỉ đạo việc xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch; duy trì hiệu quả hoạt động Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn.

*2.10. Giám đốc Sở Nội vụ*

Chỉ đạo, triển khai việc nâng cấp phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động của tỉnh, đảm bảo tích hợp, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

*2.11. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ*

Chỉ đạo việc hoàn thiện Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ của tỉnh; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh.

*2.12. Giám đốc Sở Xây dựng*

- Chỉ đạo việc hoàn thiện Hệ thống Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh; cập nhật cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

- Chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực Xây dựng.

*2.13. Giám đốc Sở Công Thương*

Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh; hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành Công Thương.

*2.14. Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội*

Chỉ đạo việc hoàn thiện hệ thống Quản lý Giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo nghề tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo.

*2.15. Giám đốc Sở Giao thông vận tải*

Chỉ đạo, thúc đẩy việc triển khai nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh.

*2.16. Giám đốc Sở Tư pháp*

- Chỉ đạo việc triển khai hiệu quả Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp để phục vụ đăng ký, quản lý hộ tịch trên trên địa bàn tỉnh; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực hộ tịch.

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực Tư pháp.

*2.17. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn*

Chỉ đạo các tổ chức, ngân hàng thương mại và các đơn vị liên quan triển khai chuyển đổi số, thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các đơn vị liên quan thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính và trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

*2.18. Chủ tịch UBND các huyện/thành phố*

- Chỉ đạo tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn; triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến tại địa phương.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai xây dựng thí điểm 01 xã Chuyển đổi số cấp xã tại địa phương.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp tại địa phương.

**I**V**. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Trên cơ sở các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này, Sở Thông tin và Truyền thông, các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm:

- Chủ động, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, hiệu quả để phấn đấu đạt các chỉ tiêu đề ra thuộc trách nhiệm của cá nhân, ngành phụ trách *(chi tiết giao tại phụ lục 1 kèm theo).*

- Chủ động, phối hợp, đề xuất với Trưởng Ban Chỉ đạo về những nhiệm vụ trọng tâm về Chuyển đổi số thuộc lĩnh vực cũng như nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách.

- Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm theo quy định và theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo.

**2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh

- Chỉ đạo việc thúc đẩy triển khai các dịch vụ trên Cổng dịch vụ công quốc gia; triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh, Hệ thống thông tin báo cáo và Hệ thống tiếp nhận và phân tích ý kiến người dân tỉnh Bắc Kạn.

- Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

## Trên đây là Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ TT&TT (b/c);- TT Tỉnh ủy (b/c);- CT, PCT UBND tỉnh (Ô. Hưng);- Thành viên BCĐ CĐS tỉnh;- Thành viên Tổ giúp việc BCĐ;- Các sở, ban, ngành tỉnh;- UBND các huyện, thành phố;- CVP;- Lưu: VT, Nhung | **TRƯỞNG BAN**  **Đã ký****CHỦ TỊCH UBND TỈNH****Nguyễn Đăng Bình** |

## Phụ lục 1

## GIAO CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023

*(Kèm theo Kế hoạch số: 330 /KH-BCĐ ngày 24 /5/2023 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn)*

| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Chỉ tiêu 2023** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị phối hợp** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Phát triển chính quyền số** |  |  |  |  |
|  | Tỷ lệ hồ sơ phát sinh của DVCTT toàn trình. | % | 100 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ hồ sơ phát sinh của DVCTT một phần cho phép nộp hồ sơ trực tuyến. | % | 50 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ hồ sơ phát sinh của các TTHC có quy định phí, lệ phí phải được thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. | % | 50 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ TTHC được cung cấp DVCTT toàn trình và được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia | % | 70 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ DVCTT được tái cấu trúc quy trình giải quyết để cung cấp dịch vụ công trực tuyến | % | 20 | Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được số hóa | % | 100 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương | % | 100 | Sở Thông tin và Truyền thông | Công an tỉnh; các đơn vị cung cấp phần mềm |
|  | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản | % | 50 | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Nội vụ; Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc | % | 60 | Sở Nội vụ | Sở Thông tin và Truyền thông |
|  | Tỷ lệ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất | % | 10 | Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật | % | 100 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  |  Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC tại Hệ thống Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông | % | 100 | Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến | % | 10 | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. | % | 10 | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thanh tra tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông |
| **II** | **Phát triển kinh tế số** |  |  |  |  |
|  | Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP | % | 10 | Sở Kế hoạch và Đầu tư  | Sở Thông tin và Truyền thông |
|  | Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ | % | 8,5 | Sở Công thương |  |
|  | Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số | % | 90 | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh |
|  | Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số | % | 30 | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh |
| **III** | **Phát triển xã hội số** |  |  |  |  |
|  | Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn tỉnh có điện thoại thông minh | % | 80 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Doanh nghiệp viễn thông |
|  | Tỷ lệ hộ gia đình có đường truyền Internet cáp quang băng rộng | % | 75 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Doanh nghiệp viễn thông |
|  | Tỷ lệ phủ sóng băng rộng di động tới thôn/bản trên địa bàn tỉnh | % | 100 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Doanh nghiệp viễn thông |
|  | Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các hình thức được phép khác | % | 55 | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh |  |
|  | Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử | % | 30 | Công an tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ dân số trưởng thành trở lên có chữ ký số cá nhân | % | 20 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến | % | 60 | Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa | % | 30 | Sở Y tế | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số | % | 50 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
| **IV** | **An toàn thông tin** |  |  |  |  |
|  | Tỷ lệ Trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá ATTT và gán nhãn tín nhiệm mạng | % | 100 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin | % | 90 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo vệ ATTT mạng theo cấp độ | % | 50 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
| **V** | **Dữ liệu số** |  |  |  |  |
|  | Tỷ lệ dịch vụ dùng chung của tỉnh được chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia/tỉnh (NDXP/LGSP). | % | 100 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Sở, ngành có cơ sở dữ liệu phải được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. | % | 100 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |
|  | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. | % | 50 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị, địa phương |

**Phụ lục 2**

**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM DỮ LIỆU SỐ QUỐC GIA**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 330 /KH-BCĐ ngày 24 /5/2023 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian/ chủ đề** | **Nội dung nhiệm vụ** | **Cơ quan chủ trì** |
| **Tháng 4 - Dữ liệu mở** | Tham mưu UBND tỉnh Công bố Danh mục dữ liệu mở tỉnh Bắc Kạn | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Truyền thông về kinh nghiệm, sáng kiến, mô hình cung cấp dữ liệu mở trên thế giới và Việt Nam | Các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh |
| **Tháng 5 - Cơ sở dữ liệu chuyên ngành** | Tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh. | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn toàn quốc về phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Truyền thông về kinh nghiệm, sáng kiến triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên thế giới và Việt Nam | Các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh |
| **Tháng 6 - Phân tích, xử lý dữ liệu** | Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh *(Theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông)* | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn toàn quốc về phân tích, xử lý dữ liệu | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Truyền thông về kinh nghiệm, sáng kiến triển khai kho dữ liệu, hồ dữ liệu, trong đó tập trung vào các kinh nghiệm, sáng kiến về triển khai kho dữ liệu cá nhân, tổ chức của các bộ, ngành, địa phương để người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại thông tin khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; triển khai hồ dữ liệu phục vụ công tác hoạch định chính sách, ra quyết định, tối ưu hóa nguồn lực | Các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh |
| **Tháng 7 - Quản trị dữ liệu** | Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý *(Theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông)* | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Xây dựng chiến lược quản trị dữ liệu của tỉnh giai đoạn 2022 -2025 định hướng đến năm 2030. | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn toàn quốc về quản trị dữ liệu | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Truyền thông về kinh nghiệm, sáng kiến triển khai quản trị dữ liệu trong nước và quốc tế. | Các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh |
| **Tháng 8 - Nhân lực dữ liệu** | Truyền thông về kinh nghiệm, sáng kiến phát triển nhân lực dữ liệu. | Các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh |
| **Tháng 9 - Hạ tầng dữ liệu** | Triển khai Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn toàn quốc về hạ tầng dữ liệu | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Truyền thông về hạ tầng dữ liệu | Các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh |
| **Tháng 10 - Kết nối, chia sẻ dữ liệu** | Hoàn thành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh. | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn toàn quốc về kết nối, chia sẻ dữ liệu | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Truyền thông về kinh nghiệm, sáng kiến kết nối, chia sẻ dữ liệu | Các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh |
| **Tháng 11 - Bảo vệ dữ liệu cá nhân** | Tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho người dân về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân | Sở Thông tin và Truyền thông |
| Truyền thông về kinh nghiệm, sáng kiến về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân | Các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh |
| **Tháng 12 - Tổng kết Năm Dữ liệu số quốc gia** | Báo cáo tổng kết Năm Dữ liệu số quốc gia | Sở Thông tin và Truyền thông |

|  |
| --- |
| **Phụ lục 3NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023***(Kèm theo Kế hoạch số: 330 /KH-BCĐ ngày 24/5/2023 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn)* |
|  |  |  |  |  |
| **STT** | **TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN** | **Sản phẩm dự kiến** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị phối hợp** | **Thời gian thực hiện** | **Phân công thành viên Ban Chỉ đạo theo dõi, triển khai thực hiện.** |
| **I** | **PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DÙNG CHUNG** |  |
| 1 | Triển khai mạng diện rộng (WAN) trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT) | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 |  Giám đốc Sở TT&TT |
| 2 | Đầu tư thiết bị Hội nghị truyền hình trực tuyến tại Hội trường tỉnh | Hệ thống đưa vào sử dụng | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 |
| 3 | Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã | Duy trì hoạt động | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 |
| 4 | Đầu tư thiết bị MCU vật lý điều khiển Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh | Hệ thống đưa vào sử dụng | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 |
| 5 | Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 |
| 6 | Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh, Hệ thống thông tin báo cáo và Hệ thống tiếp nhận và phân tích ý kiến người dân tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Chánh Văn phòng UBND tỉnh |
| 7 | Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở TT&TT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | 2023 |  |
| 8 | Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | 2023 |
| 9 | Triển khai trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở TT&TT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở TT&TT |
| 10 | Triển khai Hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn tỉnh | Hệ thống đưa vào sử dụng | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 |
| 11 | Giám sát an toàn thông tin các Website của tỉnh  | Thực hiện giám sát | Đơn vị giám sát, kiểm tra, đánh giá | 2023 |
| 12 | Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các Hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh | Kiểm tra, đánh giá | 2023 |
| 13 | Duy trì hoạt động diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng cấp tỉnh hàng năm | Tổ chức diễn tập |  Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | 2023 |
| **II** | **PHỤC VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC** |  |
| 14 | Triển khai hê thống bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở Y tế |  Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Y tế |
| 15 | Triển khai hệ thống bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông | Hệ thống đưa vào sử dụng | 2023 |
| 16 | Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Y tế  | Hệ thống đưa vào sử dụng | 2023 |
| 17 | Triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở GD&ĐT |  Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 18 | Hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn | Duy trì hoạt động | 2023 |
| 19 | Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Tài chính |
| 20 | Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở GTVT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Giao thông vận tải |
| 21 | Xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở TN&MT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | 2023 | Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 22 | Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số Chuyển đổi số (PDTI) | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở TT&TT |  Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | 2023 | Giám đốc Sở TT&TT |
| 23 | Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ | Duy trì hoạt động | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 |
| 24 | Thuê Nền tảng dùng chung Ngành Nội vụ (*Nâng cấp phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng; phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động*) | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Nội vụ |
| 25 | Xây dựng và triển khai hệ thống Quản lý Giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo nghề tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở LĐTB&XH | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Lao đọng – Thương binh và Xã hội |
| 26 | Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Lao động Thương binh Xã hội giai đoạn 1 | Hệ thống đưa vào sử dụng | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 |
| 27 | Hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng | Dữ liệu được số hóa | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Xây dựng |
| 28 | Xây dựng Hệ thống Thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Ban Dân tộc tỉnh |  Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Trưởng Ban Dân tộc tỉnh |
| 29 | Đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số tại Báo Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Báo Bắc Kạn |  Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Tổng Biên tập Báo Bắc Kạn |
| 30 | Mua máy tính phục vụ chuyển đổi số Sở Tài nguyên và Môi trường | Máy vi tính | Sở TN&MT |  | 2023 | Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 31 | Mua máy tính và máy scan cho Bộ phận một cửa cấp xã | Máy vi tính, scan  | Văn phòng UBND tỉnh | UBND các huyện, thành phố | 2023 | Chánh Văn phòng UBND tỉnh  |
| 32 | Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Công thương tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở Công thương |  Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Công thương |
| 33 | Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn. | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ |
| **III** | **PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP** |  |
| 34 | Hệ thống Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Xây dựng |
| 35 | Đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Tổ chức Hội nghị tập huấn | Sở TT&TT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở TT&TT |
| 36 | Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Hệ thống đưa vào sử dụng | Sở KH&CN | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ |
| 37 | Duy trì hiệu quả hoạt động Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn | Duy trì hoạt động | Sở VHTT&DL | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | 2023 | Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 38 | Chủ trì triển khai các nền tảng số phục vụ du lịch, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch | Các nền tảng được triển khai |
| 39 | Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch | Hệ thống đưa vào sử dụng |
| 40 | Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phục vụ chuyển đổi số | Hỗ trợ giải pháp công nghệ phù hợp cho một số doanh nghiệp | Sở KH&ĐT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; Doanh nghiệp | 2023 | Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| **IV** | **CHUYỂN ĐỔI NHẬN THỨC, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC** |  |
| 41 | Đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực (Đề án 146) | Hội nghị tập huấn, đào tạo | Sở TT&TT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | 2023 | Giám đốc Sở TT&TT |
| 42 | Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia và lễ phát động ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn | Lễ phát động; các hoạt động hưởng ứng | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Quý III, IV/2023 |
| 43 | Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn hoạt động chuyên môn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thông trên địa bàn tỉnh  | Hội nghị tập huấn | UBND các huyện, thành phố | Sở TT&TT, Huyện đoàn/Thành đoàn | 2023 | Chủ tịch UBND các huyện, thành phố |
|  |
| 44 | Triển khai xây dựng thí điểm 01 xã chuyển đổi số trên địa bàn huyện, thành phố | Thí điểm; đánh giá kết quả thí điểm chuyển đổi số cấp xã | Sở TT&TT, Huyện đoàn/Thành đoàn và UBND các xã được lựa chon |
| **V** | **HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, QUY ĐỊNH** |  |
| 45 | Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Bắc Kạn | Quyết định của UBND tỉnh | Sở TT&TT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn | 2023 | Giám đốc Sở TT&TT |
| 46 | Xây dựng, hoàn thiện các quy chế về quản lý, sử dụng các hệ thống thông tin |  | Sở TT&TTCác cơ quan, đơn vị có vận hành các hệ thống thông tin | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | 2023 |  |
| Quyết định của UBND tỉnh ban hànhQuy chế  | Giám đốc Sở TT&TT |
| 47 | Chiến lược quản trị dữ liệu tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 -2025 định hướng đến năm 2030 | Quyết định của UBND tỉnh  | Sở TT&TT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | 2023 | Phó Giám đốc Sở TT&TT |
| 48 | Danh mục dữ liệu mở tỉnh Bắc Kạn | Quyết định của UBND tỉnh  |
| 49 | Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành tỉnh Bắc Kạn | Quyết định của UBND tỉnh  |
| 50 | Cập nhật bổ sung cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Kạn | Quyết định của UBND tỉnh  | Sở TT&TT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Quý IV/2023 | Phó Giám đốc Sở TT&TT |
| 51 | Kế hoạch thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến | Kế hoạch của UBND tỉnh | Sở TT&TT | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn | Quý II/2023 | Phó Giám đốc Sở TT&TT |